

Số: 5478282

	Linker T4.5-3.5 - Thùng kín - Inox 304	Linker T4.5-3.5 - Mui bạt - Tôn đen
Giá niêm yết:	354.200.000đ	347.400.000đ
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	5.660 x 1.935 x 2.790	5.660 x 1.935 x 2.790
Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)	3.500 x 1.820 x 1.780 (11,34 m³)	3.500 x 1.820 x 1.780 (11,34 m³)
Chiều dài cơ sở	2.800 mm	2.800 mm
Vết bánh xe trước/sau	1.487/1.358 mm	1.487/1.358 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	1.600 kg	1.600 kg
Khối lượng chở cho phép	1.990 kg	1.990 kg
Khối lượng toàn bộ	4.395 kg	4.395 kg
Số chỗ ngồi	3 chỗ	3 chỗ
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	YUNNEI D19TCIE3	YUNNEI D19TCIE3
Loại động cơ	Diesel, 04 kỳ, 04 xilanh thẳng hàng	Diesel, 04 kỳ, 04 xilanh thẳng hàng
Dung tích xi lanh	1.910 cc	1.910 cc
Công suất cực đại/ tốc độ quay	116 / 3.600 Ps/rpm	116 / 3.600 Ps/rpm
Mô men xoắn/ tốc độ quay	285 / 1.600-2.600 N.m/rpm	285 / 1.600-2.600 N.m/rpm
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Đĩa/tang trống, dẫn động thủy lực, trợ lực chân không, có ABS + EBD	Đĩa/tang trống, dẫn động thủy lực, trợ lực chân không, có ABS + EBD
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Độc lập, Thanh xoắn, thanh cân bằng	Độc lập, Thanh xoắn, thanh cân bằng
Sau	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực
LỐP XE:		
Trước/Sau	185R14	185R14
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	32,77%	32,77%
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	5,65 m	5,65 m
Tốc độ tối đa	108 km/h	108 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	70 lít	70 lít
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Thanh răng - bánh răng, trợ lực thủy lực	Thanh răng - bánh răng, trợ lực thủy lực